

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 trên địa bàn Thành phố

Thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2707/TTr-SNN ngày 30 tháng 12 năm 2021;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 trên địa bàn Thành phố các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố nhằm phục vụ và phát triển nông nghiệp theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ ở quy mô doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ có giá trị gia tăng cao và từng bước tăng dần tỷ lệ sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ huy động sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã đặc biệt, là các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố, gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ Xác định được vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên một số đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù hợp với điều kiện của Thành phố.

+ Diện tích sản xuất trồng trọt hữu cơ (rau, xoài) đạt khoảng 50 - 60 ha, tổng đàn heo hữu cơ đạt 1.800 - 2.000 con, diện tích nuôi tôm hữu cơ đạt khoảng 10 - 15 ha.

+ Hình thành 2 - 3 chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Đến năm 2030:

+ Diện tích sản xuất trồng trọt hữu cơ (rau, xoài) đạt khoảng 60 - 80 ha, tổng đàn heo hữu cơ đạt 2.000 - 2.500 con, diện tích nuôi tôm hữu cơ đạt khoảng 15 - 20 ha.

+ Hình thành 4 - 5 chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về sản phẩm hữu cơ thông qua các bài phóng sự, hội nghị, hội thảo.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật về nông nghiệp hữu cơ nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong việc sử dụng, nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh về thực hiện nghiêm ngặt quy trình canh tác, giám sát, chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

- Phối hợp với các Viện trường, chuyên gia trong và ngoài nước tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật có đủ trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ, hợp tác đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ.

- Tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất về kiến thức và các tiêu chí sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi cụ thể.

- lồng ghép nội dung về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong các cơ sở dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.

2. Đánh giá điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xác định các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp với điều kiện của Thành phố

- Căn cứ các quy định về điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ và TCVN 11041 - 1:2017, TCVN 11041 - 2:2017, TCVN 11041 - 3:2017, TCVN 11041 - 8:2018, tổ chức khảo sát, đánh giá điều kiện thổ nhưỡng của Thành phố. Trên cơ sở đó, xác định địa điểm sản xuất, quy mô sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp với điều kiện của Thành phố, nhu cầu của thị trường và cho từng giai đoạn cụ thể.

- Ưu tiên sử dụng các vùng có điều kiện đất đai thuận lợi cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi để sản xuất hữu cơ.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ

a) Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cây trồng

- Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng có năng suất, chất lượng, đặc biệt kháng sâu bệnh, phù hợp với sản xuất hữu cơ.

- Ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm nâng cao sức khỏe cây trồng và hiệu quả trong phòng trừ dịch hại cây trồng.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học quy mô công nghiệp như phân bón hữu cơ, thuốc trừ sâu sinh học, chế phẩm sinh học trong sản xuất, bảo quản, chế biến, xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe con người, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

- Nghiên cứu phát triển công nghệ xử lý các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo thành các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm trả lại độ phì nhiêu cho đất, nâng cao sức khỏe đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

b) Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe vật nuôi, thủy sản

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học tạo ra các giống con chủ lực của Thành phố tích hợp nhiều đặc tính ưu việt (có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường).

- Nghiên cứu, sản xuất và sử dụng các chế phẩm thảo dược bổ sung vào thức ăn cho vật nuôi, thủy sản giúp hỗ trợ tăng cường miễn dịch, nâng cao sức đề kháng, hiệu quả sử dụng dinh dưỡng của vật nuôi, thủy sản.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học nhân rộng trong sản xuất như ứng dụng công nghệ enzym, protein, vi sinh vật tạo sản phẩm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng vật nuôi, nâng cao sức đề kháng đối với các yếu tố sinh học, phi sinh học; ứng dụng công nghệ nuôi tôm sạch bằng các men vi sinh để quản lý môi trường nuôi; sử dụng các sản phẩm sinh học để điều hòa và kiểm soát hệ vi sinh vật trong ao, giúp cải thiện môi trường sinh thái, củng cố hệ miễn dịch của thủy sản nuôi...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ phát triển bộ sinh phẩm (kít) phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi, thủy sản; nghiên cứu phát triển các vắc xin mới phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản; sản xuất thuốc thú y sinh học có hiệu quả kinh tế cao.

c) Về bảo quản sau thu hoạch

- Phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản hữu cơ.

- Tập trung ứng dụng các quy trình công nghệ sử dụng nguyên liệu là các phế phụ phẩm chế biến sau thu hoạch nông sản; ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp để tạo thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, góp phần hình thành và phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp không phát thải, nâng cao hiệu quả kinh tế và hạn chế ô nhiễm môi trường.

4. Xây dựng và phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Xây dựng mô hình chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
- Xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ cụ thể đối với từng sản phẩm để tập huấn và hướng dẫn quy trình sản xuất.
- Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị và nhân rộng theo các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.
- Trên cơ sở đánh giá điều kiện sinh thái, sản phẩm có thể mạnh và thị trường tiêu thụ, xác định các sản phẩm hữu cơ phù hợp với Thành phố từ đó khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân có nhu cầu đầu tư vào sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung.
- Phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp, Viện trường xây dựng các dự án, chương trình, mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị.

5. Triển khai các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ được quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, cụ thể:
 - + Ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông đặc biệt về giống kháng sâu bệnh, sản xuất phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.
 - + Ưu tiên cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ được hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp nông thôn.
 - + Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ sản xuất nông nghiệp hữu cơ kinh phí xác định vùng đủ điều kiện sản xuất hữu cơ (khảo sát địa hình, phân tích đất nước), chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ.
- Thực hiện hiệu quả chính sách về đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.
- Tham mưu, đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ theo chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo đầu tư vào lĩnh vực này.

- Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ hoặc tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trên địa bàn Thành phố được ưu tiên hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Xúc tiến thương mại

- Công bố danh sách, địa chỉ các vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Thành phố trên các phương tiện thông tin truyền thông để kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất tại Thành phố.

- Xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm hữu cơ gắn với quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Hỗ trợ các đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ tham gia các hội chợ triển lãm, sàn giao dịch trong và ngoài nước nhằm kết nối thị trường, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

- Thường xuyên cập nhật những đơn vị sản xuất nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận và thông tin thị trường trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ

- Quản lý vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ:

+ Quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ: quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản...

+ Quản lý nguồn nước: nước tưới cho cây trồng, nước dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Quản lý quy trình canh tác cây trồng, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản.

- Quản lý các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ:

+ Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ khi lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và có nhãn hiệu, tem truy xuất nguồn gốc, logo sản phẩm tương ứng với tiêu chuẩn đã chứng nhận.

+ Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường.

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này và căn cứ chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền

để hàng năm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định.

- Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung:

+ Phổ biến, tuyên truyền các cơ chế, chính sách về khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ.

+ Triển khai, phổ biến đến người dân kiến thức, kết quả nghiên cứu, chuyển giao và các ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

+ Vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản mới tăng năng suất, chất lượng, sức chống chịu tốt với dịch bệnh và các điều kiện bất lợi của môi trường; tạo ra các chủng vi sinh vật, các chế phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại giới thiệu, quảng bá và xây dựng thương hiệu sản phẩm hữu cơ nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ (bao gồm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất hữu cơ và thực phẩm hữu cơ) theo quy định.

- Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh khi cần thiết. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sản xuất, người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức khảo sát, đánh giá điều kiện đất đai, khí hậu và nhu cầu thị trường tiêu thụ để xác định vùng sản xuất, quy mô và chủng loại sản phẩm phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chuyên đổi, sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ (bao gồm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất hữu cơ và thực phẩm hữu cơ) theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các Sở ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về khả năng bố trí vốn trung hạn và hàng năm cho các dự án đầu tư công thuộc Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan nghiên cứu điều chỉnh các hoạt động xúc tiến kêu gọi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố.

4. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ cụ thể về nghiên cứu, sản xuất giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.

6. Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hỗ trợ kết nối xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Tổ chức lồng ghép các hội thảo, hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm hữu cơ với các sản phẩm nông nghiệp khác.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan Báo, đài Thành phố tăng cường tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ chính sách tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ trên địa bàn tham gia đầu tư, phát triển nông nghiệp hữu cơ.

9. Hội Nông dân Thành phố

Tuyên truyền, phổ biến các nội dung, giải pháp triển khai Kế hoạch này; vận động các hội viên tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

10. Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố

Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chính sách hỗ trợ cho vay vốn đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ trên địa bàn Thành phố tham gia đầu tư, phát triển nông nghiệp hữu cơ.

11. Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp và các Viện, Trường trên địa bàn Thành phố

Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp, Viện, Trường có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ của Thành phố đăng ký với chính quyền địa phương hoặc liên hệ với sở ban ngành, đơn vị liên quan để được xem xét, hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền.

Trên đây là nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 trên địa bàn Thành phố. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT; các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể TP;
- Các Sở, Ban ngành;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- UBND các quận, huyện;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT (KT/Linh) MH. 09.

(Đính kèm Phụ lục)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan



Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2020 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số **601** /KH-UBND ngày **28** tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Diện tích trồng trọt hữu cơ (ha)	2,1	50 - 60	60 - 80
2	Tổng đàn gia súc chăn nuôi hữu cơ (con)	-	1.800 - 2.000	2.000 - 2.500
3	Diện tích nuôi tôm hữu cơ (ha)	-	10 - 15	15 - 20
4	Chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ (chuỗi)	-	2 - 3	4 - 5

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ